

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HS-ST

Ngày 22 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Hùng

2. Bà Bùi Thị Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký, Toà án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2024/TLST-HS ngày 13/3/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HS ngày 08/5/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Kiều Cao T**, sinh năm 1971 tại xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng cầu đường; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Kiều Cao K và bà Kiều Thị X; có vợ là Trịnh Thị H và 3 con; con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/8/2023 đến ngày 11/8/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nông Cống; có mặt.

Bị hại: Công ty cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Phú S, chức vụ Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Khắc A, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 346 đường N, phường V, quận L, thành phố Hà Nội (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Gia Tâm, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Thanh Liêm, xã Hoàng Sơn - Nông Công - Thanh Hóa

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Thịnh B, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V1, xã T1, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa

- Ông Nguyễn Quang T2, sinh năm 1963(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Phú Q, xã H1, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa

- Ông Lê Văn V2, sinh năm 1967(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L1, xã H1, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa

- Anh Hà Nguyên N2, sinh năm 1981(vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, phường Q, thành phố T3, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Kiều Cao T là Kỹ sư xây dựng cầu đường được Công ty cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông có địa chỉ tại số 346 đường N, phường V, quận L, thành phố Hà Nội bổ nhiệm làm Chỉ huy trưởng công trình cầu sông Nhôm của gói thầu XL1, dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam, đoạn qua địa bàn các xã C – T4 thuộc huyện N1, tỉnh Thanh Hóa. Trong thời gian làm việc tại công trình, do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên đã có hành vi lợi dụng quyền hạn được giao, hai lần lấy thép xây dựng của công ty bán ra ngoài lấy tiền phục vụ nhu cầu cá nhân, cụ thể:

Lần thứ nhất vào sáng ngày 26/7/2022, T nhờ người có tên Lê Anh T5 bán giúp 03 bó thép nguyên đai tại bãi thép của công trình cầu sông Nhôm, nên ngày 27/7/2022, anh T5 gọi điện cho T nói giá bán thép theo giá sắt vụn là 7.000đ/01 kg và đang cho xe đến để chở, T đồng ý và gọi điện cho ông Nguyễn Quang T2 là bảo vệ công trường, nói là cho bên Công ty Trường Sơn 28 (đang thi công công trình bên cạnh) mượn 03 bó thép nguyên đai. Ông T2 nói với T việc này là của anh T5 thủ kho nhưng T nói lại với ông T2 là T5 bận không đến nên cứ cho họ mượn. Khoảng 30 phút sau có 2 người đi 1 xe cầu tự hành màu xám xanh đến cầu 02 bó thép phi 14 và 01 bó thép phi 16 còn nguyên đai (mỗi bó có khối lượng là 03 tấn) rời ra khỏi công trường. Ông T2 không biết tên, tuổi, địa chỉ của 2 người này và cũng không nhớ biển số xe. Tối cùng ngày T gọi điện cho T5 hỏi tiền bán thép và hẹn gặp nhau ở gần ngã tư Cầu Quan thuộc xã C, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây T5 đưa trước cho T 20.000.000đ tiền mặt, sau khi bán sắt đến tối ngày 28/7/2022 cũng tại địa điểm trên T5 đưa cho T 37.000.000đ tiền mặt. Như vậy tổng số bán thép được 57.000.000đ. T cho lại T5: 2.000.000đ, số tiền còn lại T đã chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ hai: Vào trưa ngày 02/9/2022, T gọi điện thoại cho Lê Gia T4 là người được T thuê (hợp đồng miệng) làm thủ kho công trình cầu sông Nhôm của dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam đoạn qua địa bàn xã C, xã T6 thuộc huyện N1, tỉnh Thanh Hóa đến công trường để kiểm đếm số thép đã rời bó nằm rải rác ở bãi tập kết vật liệu của công trường. Sau khi kiểm đếm và gom số sắt lại, T4 gọi điện cho T báo số lượng sắt còn khoảng 130 cây, gồm: khoảng 80 cây sắt phi 14, 50 cây sắt phi 12 và 02 đoạn sắt phi 20 đã cắt từng đoạn. T trao đổi với Nguyễn Thịnh B là lái xe cho công trường dùng xe máy cầu của công trường để chở số sắt mà T4 đã kiểm đếm ra ngoài đường để bán sắt vụn lấy tiền. Sau khi anh B cầu sắt lên xe thì T4 dẫn B đi đến bãi cát nhà ông Lê Văn V2 để gửi rồi đi về. Tối cùng ngày, T gọi điện cho T4 hỏi xem đã bán được sắt chưa để chuyển tiền cho T nhưng anh T4 nói với T là chưa bán được. T nhờ T4 vay giúp cho 5.000.000đ, sau khi anh T4 vay được tiền đã chuyển vào tài khoản cho T đến khoảng 2 ngày sau thì T4 gặp một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ đi thu mua phế liệu trên đoạn đường đang thi công. T4 hỏi giá bán phế liệu thì họ báo giá 8.200đ/kg, T4 báo lại với T, T đồng ý và T4 đã bán được 14.000.000 đồng. Chiều cùng ngày, T4 đem tiền vào văn phòng chỉ huy đưa cho T và nói trả đỡ tiền mua vật tư cho anh. T đưa tạm cho anh T4: 5.000.000đ tiền mua vật tư và 5.000.000đ anh T4 chuyển khoản cho T trước đó. Số tiền còn lại T dùng tiêu xài cá nhân hết.

Theo nội dung báo cáo của bị hại do người đại diện theo ủy quyền là anh Phạm Khắc A thể hiện: Ngày 25/10/2022 Công ty cổ phần 873- Xây dựng công trình giao thông thành lập tổ kiểm kê tài sản công trình cầu sông Nhôm, ông được phân công làm tổ viên. Tổ tiến hành kiểm kê tài sản từ ngày 26/10/2022 đến ngày 28/10/2022. Sau khi kết thúc kiểm kê xác định tại công trình cầu sông Nhôm còn 84.597,95kg thép, trong khi đó tổng số lượng thép gia công và tận dụng nguyên cây theo hóa đơn xuất là 94 tấn. Công ty nhập 94 tấn thép của công ty TNHH xuất nhập khẩu Thảo Nguyên là để sử dụng vào việc đúc dầm cầu. Tại thời điểm kiểm kê thì hạng mục đúc dầm cầu chưa được tiến hành nên 94 tấn thép phải đang còn nguyên. Tổ kiểm kê đã tiến hành làm việc với ông T, ông T trình bày số thép bị hao hụt là do ông T cho ông Nguyễn Văn N3 là cán bộ kỹ thuật của công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Thành An 665 mượn, tuy nhiên sau khi làm việc với ông N3 thì ông N3 không mượn số thép trên. Tổ kiểm kê tiến hành làm việc với anh Lê Gia T4 là thủ kho vật tư công trình thi công cầu sông Nhôm thì được biết ngày 27/7/2022 ông T cho điều khiển xe cầu tự hành đến công trường và chuyển đi 03 bó thép nguyên đai, trong đó có 01 bó thép phi 16 và 02 bó thép phi 14 nói là cho công ty Trường Sơn 28 mượn. Đến ngày 02/9/2022, T tiếp tục bảo T4 kiểm tra số thép gỉ ở gần bờ sông, sau khi kiểm tra có khoảng 80 cây thép phi 16, gần 50 cây thép phi 12 và khoảng 03 cây thép phi 20 và bảo T4 cầu số thép trên lên xe cầu tự hành của công ty và chuyển đi bán. Thời điểm tiến hành kiểm kê phát hiện khối lượng thép để sử dụng vào hạng mục dầm Super T theo hợp đồng mua số 0906/2022/HĐMB/873-TN ngày 09/6/2022 chuyển vào công trường ngày 24 và ngày 25/6/2022 gồm các loại

thép D12, D14, D16 và D20 bị mất 15.584,3kg, ngoài ra không phát hiện thiệt hại gì khác.

Ngày 10/7/2023 cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống yêu cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Nông Cống định giá tài sản.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 84/KL-ĐGTS ngày 11/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Nông Cống kết luận:

- Đơn giá thép Việt Ý cần định giá được xác định như sau:

Thép D12 có giá 17.750đ/01kg; Thép D14 có giá 17.650đ/01kg; Thép D16 có giá 17.650đ/01kg; Thép D20 có giá 17.650đ/01kg; Thuế suất GTGT: 10%.

Tổng số tiền giá trị của 15.584,30 kg thép xây dựng Việt Ý có giá trị: 302.705.577đ .

*** Về trách nhiệm dân sự:** Bị cáo chấp nhận bồi thường cho Công ty với số tiền là 302.705.577đ. Hiện đã bồi thường được 200.000.000đ, số tiền còn lại bị cáo sẽ tiếp tục bồi thường cho Công ty. Đại diện bị hại xác định đã nhận 102.705.577đ bồi thường do gia đình bị cáo nộp, số còn lại yêu cầu bồi thường tiếp và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với Lê Anh T5, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã tiến hành điều tra, xác minh, thực hiện đối chất giữa Lê Anh T5 với bị cáo nhưng không có chứng cứ để xử lý.

Đối với Lê Gia T4 là người được bị cáo thuê làm thủ kho và làm những công việc vặt ở công trình theo sự chỉ đạo của bị cáo. Về sự việc ngày 02/9/2022, đã có bản khai, trình bày sự việc. Tuy nhiên sau đó đã đi làm ăn xa, Cơ quan CSĐT đã xác minh nhưng không có mặt tại địa phương và cũng không xác định được địa chỉ nên đã tách hành vi để điều tra xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thịnh B: Ngày 02/9/2022 bị cáo yêu cầu anh B điều khiển xe cầu tự hành của công trường chở thép đi theo anh T4 sau đó hạ thép tại đoạn đường bê tông thuộc thôn L1, xã H1, huyện N1 rồi đi về. B không biết việc vận chuyển thép ra ngoài để bán là vi phạm pháp luật nên không có căn cứ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKSNC ngày 11/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Kiều Cao T về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Nông Cống giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c, d khoản 2, khoản 5 Điều 353, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo mức án từ 4 năm 6 tháng đến 5 năm tù. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ 01 năm sau khi chấp hành xong bản án; về trách nhiệm dân sự, đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 102.705.577đ cho bị hại; về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện của bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho Công ty với số tiền là 302.705.577đ. Hiện đã bồi thường được 200.000.000đ, số tiền còn lại phải bồi thường tiếp và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

- Hành vi thứ nhất: Ngày 27/7/2022 tại công trình Cầu sông Nhôm của gói thầu XL1, dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam đoạn qua địa bàn xã C, xã T6 thuộc huyện N1, tỉnh Thanh Hóa, Kiều Cao T đã có hành vi bán 02 bó thép phi 14 và 01 bó thép phi 16 có tổng khối lượng 9.000kg (09 tấn) theo giá sắt vụn lấy 158.850.000đ.

- Hành vi thứ hai: Ngày 02/9/2022 cũng tại công trình Cầu sông Nhôm của gói thầu XL1, dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam đoạn qua địa bàn xã C, xã T6 thuộc huyện N1, tỉnh Thanh Hóa, Kiều Cao T đã có hành vi bán một số thép của Công ty theo giá sắt vụn với số tiền là 14.000.000đ.

Toàn bộ số tiền bán thép hai lần trên, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Thiệt hại tài sản do bị cáo chiếm đoạt đã được HĐĐGTS trong tố tụng hình sự huyện Nông Công quyết định tại kết luận định giá tài sản số 84/KL-ĐGTS ngày 11/7/2023 cụ thể 15.584,30 kg thép xây dựng Việt Ý có giá trị: 302.705.577đ. Giá trị thiệt hại về tài sản do hành vi của bị cáo gây ra thuộc trường hợp quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 BLHS. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hoá truy tố bị cáo về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn và quyền sở hữu tài sản của Công ty cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông, làm mất trật tự trị an trên địa bàn. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt và răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ có các tình tiết giảm nhẹ người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; có thành tích xuất sắc trong công tác; đầu thú; bố, mẹ bị cáo là người có công; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Các tình tiết giảm nhẹ trên được quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; về nhân thân: Bị cáo là người không có tiền án, tiền sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội liên quan đến chức vụ nên cần áp dụng khoản 5 Điều 353 BLHS cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ một thời gian sau khi chấp hành xong bản án là phù hợp với tình hình đấu tranh phòng chống tham nhũng.

[6] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân bị cáo; HĐXX thấy cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian với điều kiện cải tạo nghiêm khắc theo quy chế trại giam để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân tốt có ích cho bản thân, gia đình và xã hội đồng thời răn đe, giáo dục phòng ngừa chung là phù hợp với quy định của Điều 38 BLHS. Tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là phù hợp với tính nhân đạo trong chính sách hình sự của Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ giá trị tài sản chiếm đoạt 302.705.577đ cho bị hại. Chấp nhận bị cáo đã bồi thường trước được 200.000.000đ, còn lại 102.705.577đ bị cáo phải bồi thường tiếp cho bị hại.

[8] Về án phí:

Bị cáo có tội, bị kết án và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu phí HSST, phải bồi thường nên phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c, d khoản 2 Điều 353 BLHS tuyên bố bị cáo Kiều Cao T phạm tội “Tham ô tài sản”.

Căn cứ vào Căn cứ vào điểm c, d khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 BLHS

Xử phạt Kiều Cao T 4 (bốn) năm 8 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 02/8/2023. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời gian 1 (một) năm kể từ khi chấp hành xong bản án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty cổ phần 873 - Xây dựng công trình giao thông 302.705.577đ. Chấp nhận bị cáo đã bồi thường được 200.000.000đ, bị cáo còn phải bồi thường tiếp 102.705.577đ.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST và 5.135.000đ án phí DSST.

Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, bị hại. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải Thi hành án dân sự có quyền tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi và NVLQ;
- Chi cục THADS. H. Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- VKSND huyện Nông Cống;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu VT; HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã lý)

Nguyễn Văn Tình